

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HS-ST

Ngày: 03-03-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Lê Quang Xệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/HSST-QĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Chí Đ, sinh năm 1992 tại Bạc Liêu; thường trú: Tổ 8, ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; vợ tên Vũ Lâm Kim Y, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/6/2020 đến ngày 12/6/2020; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Bà Huỳnh Thị Thu Th, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Vũ Lâm Kim Y, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 8, ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (là vợ của bị cáo); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị D; vắng mặt.

- + Ông Mai Xuân Tr; có đơn xin xét xử vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Văn Đ1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng bị cáo Trần Chí Đ và bà Vũ Lâm Kim Y và bà Huỳnh Thị Thu Th là chỗ quen biết, bà Th và bà Y có chơi hội chung với nhau. Khoảng tháng 07 năm 2019, bà Th có đứng ra bảo lãnh cho một người tên O (không rõ lai lịch) tham gia dây hội do Y làm chủ. Bà O đã lĩnh hội và đóng lại được 09 tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Tính đến tháng 05 năm 2020, bà O còn phải đóng 10 tháng tương đương số tiền 10.000.000 đồng. Việc đóng hội và lĩnh hội của bà O do bà Th trực tiếp thực hiện với bà Y. Đến tháng 05 năm 2020, do không thấy bà Th đóng hội bà Y liên lạc nhiều lần nhưng không được. Đến ngày 02/6/2020, bà Y biết được bà Nguyễn Thị D sẽ trả số tiền 15.000.000 đồng tiền hội cho bà Th tại khu vực khu phố 6, phường U, thị xã T vào chiều hôm đó. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, bà Y bảo với chồng là bị cáo Đ biết việc bà Th còn thiếu 10.000.000 đồng tiền hội chưa đóng, khi bà D trả tiền cho bà Th thì ra gặp bà Th nói chuyện rồi lấy tiền. Khoảng 17 giờ cùng ngày, bà Y điều khiển xe mô tô biển số 61N1-09167 đi trước, Đ điều khiển xe mô tô biển số 61N1-01815 đi sau. Trên đường đi, Đ ghé qua tiệm Bida A rủ ông Mai Xuân Tr đi chung. Khoảng 18 giờ, ông Nguyễn Văn Đ1 điều khiển xe ô tô chở bà Th đến gặp bà D lấy số tiền 15.000.000 đồng. Khi bà D đưa số tiền cho bà Th, Đ đến và bảo bà D không đưa tiền cho bà Th vì bà Th đang thiếu Đ 10.000.000 đồng. Bà D không đồng ý. Khi bà D vừa trả tiền cho bà Th xong, Y yêu cầu bà Th trả tiền hội còn thiếu nhưng bà Th không đồng ý trả nên hai bên cãi nhau. Lúc này, Đ khom người chui vào trong xe ô tô, chồm qua nắm lấy cổ tay trái của bà Th đang cầm tiền kéo ra ngoài cửa xe. Ngay khi kéo được tay của bà Th ra ngoài cửa, Đ lấy số tiền trên tay của bà Th. Bà Th dùng hai tay giữ lại nhưng do Đ khỏe hơn nên bà Th không giữ được. Sau khi lấy được tiền, Đ đứng tại chỗ đếm và lấy 10.000.000 đồng (gồm 20 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), số tiền còn lại bỏ lại trên người của bà Th.

Sau khi tiếp nhận tin báo của bà Th, Công an phường U tiến hành mời Đ, bà Y, ông Tr, bà Th và bà D đến làm việc. Đ đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tiền của bà Th đồng thời giao nộp số tiền 10.000.000 đồng.

Công an phường U tạm giữ: 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Chí Đ; 01 chứng minh nhân dân mang tên Vũ Lâm Kim Y; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61N1-01815; 01 xe mô tô biển số 61N1-01815, số tiền 11.500.000 đồng và lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cùng đồ vật, tài liệu cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo quy định.

Ngày 14/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 116 trả lại cho bà Th số tiền 11.500.000 đồng.

Ngày 07/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 139 trả lại cho bà Y chứng minh nhân dân; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61N1-01815 và xe mô tô biển số 61N1-01815.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ đã bồi thường số tiền 15.000.000 đồng tổn thất tinh thần cho bà Th, bà Th có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với hành vi của bà Y cùng chồng đi đòi tiền hối nhưng không có sự bàn bạc sẽ đe dọa, ép buộc bà Th phải trả tiền. Lúc bị cáo lấy tiền của bà Th, bà Y không có lời nói hay hành động gì. Do đó không đủ căn cứ xử lý bà Y với vai trò đồng phạm.

Bản Cáo trạng số 14/CT-VKSTU ngày 31/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Chí Đ về tội Cường đoạt tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Chí Đ từ 01 năm 3 tháng tù đến 01 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: trả lại giấy chứng minh nhân dân cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Chí Đ khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong qua trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ khác trong hồ sơ. Như vậy, do mâu thuẫn từ quan hệ hui giữa vợ bị cáo và bị hại, bị cáo có hành vi giữ lấy cổ tay của bị hại giật lấy số tiền 10.000.000 đồng bị hại đang cầm là hành vi Cường đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Diễn biến tội phạm cho thấy hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội cướp tài sản, tuy nhiên xét về quan hệ vợ bị cáo và bị hại có quen biết nhau, mục đích lấy tiền là do bị hại còn nợ tiền hui và bị cáo cũng chỉ giằng co qua lại với bị hại, đồng thời chỉ lấy đủ số tiền 10.000.000 đồng bị hại còn nợ. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác. Do đó, cần xử bị cáo thật nghiêm mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị hại có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc không cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng không gây nguy hiểm, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

[7] Mức án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bà Huỳnh Thị Thu Th đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt, tiền bồi thường, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Trả lại cho bị cáo giấy chứng minh nhân dân.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Chí Đ phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao;

Xử phạt bị cáo Trần Chí Đ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án (03/3/2021).

Giao bị cáo Trần Chí Đ cho UBND xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trần Chí Đ 01 giấy chứng minh nhân dân.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Chí Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trí